

## Công ty Cổ phần VNG

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024



**EY**  
Building a better  
working world

# Công ty Cổ phần VNG

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 58

# Công ty Cổ phần VNG

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần VNG ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") lần đầu số 4103002645 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 9 tháng 9 năm 2004 và các lần đăng ký thay đổi sau đó.

Hoạt động chính được đăng ký theo các GCNĐKKD của Công ty bao gồm:

- kinh doanh trò chơi điện tử, cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng;
- tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- lập trình máy vi tính, sản xuất phần mềm, tư vấn và cung cấp phần mềm;
- quảng cáo thương mại;
- dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng, xây dựng cơ sở dữ liệu, lưu trữ cơ sở dữ liệu, khai thác cơ sở dữ liệu; và
- đại lý hoa hồng mua bán thẻ điện thoại, thẻ internet, thẻ trò chơi.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2022, cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phê duyệt để giao dịch trên sàn UPCOM của Việt Nam, là một thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty chưa niêm yết theo Quyết định số 874/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 5 tháng 1 năm 2023.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số Z06, Đường 13, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

# Công ty Cổ phần VNG

## THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Sỹ Nhân	Chủ tịch
Ông Lê Hồng Minh	Thành viên
Ông Vương Quang Khải	Thành viên
Bà Christina Gaw	Thành viên
Ông Edphawin Jetjirawat	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Vũ Ngọc Hân	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2024
Ông Phạm Văn Đô La	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2024
Ông Vũ Thành Long	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2024
Bà Trương Thị Thanh	Thành viên	từ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2024

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Hồng Minh	Nhà sáng lập, Tổng Giám đốc
Ông Vương Quang Khải	Đồng sáng lập, Phó Tổng Giám đốc Thường trực Cấp cao
Ông Nguyễn Lê Thành	Phó Tổng Giám đốc VNG, Tổng Giám đốc Digital Business
Ông Wong Kelly Yin Hon	Phó Tổng Giám đốc VNG, Tổng Giám đốc VNGGames
Ông Tan Wei Ming	Phó Tổng Giám đốc Tài chính

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Hồng Minh.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần VNG

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần VNG ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong các thuyết minh của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đê ngày 29 tháng 8 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Lê Hồng Minh  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

Số tham chiếu: 11537012/67726953-LR-R

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần VNG

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần VNG ("Công ty") được lập ngày 29 tháng 8 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 58, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đi kèm.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Building a better  
working world

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 34 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong đó trình bày các điều chỉnh hồi tố của Ban Tổng Giám đốc Công ty đối với một số dữ liệu tương ứng do Công ty thay đổi chính sách kế toán liên quan đến việc ghi nhận doanh thu trò chơi trực tuyến trong năm 2023.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhật Quang  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN Kiểm toán  
Số: 1772-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.487.013.098.017</b>	<b>2.688.214.344.290</b>
110	<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	4	<b>649.937.017.543</b>	<b>1.732.371.924.390</b>
111	1. Tiền		18.967.017.543	569.571.924.390
112	2. Các khoản tương đương tiền		630.970.000.000	1.162.800.000.000
120	<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>		<b>6.000.000.000</b>	<b>55.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	6.000.000.000	55.000.000.000
130	<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>		<b>673.260.665.191</b>	<b>795.022.086.802</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	332.879.843.646	275.238.195.877
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	23.163.314.942	9.119.362.857
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	318.205.550.305	512.659.672.657
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(988.043.702)	(1.995.144.589)
140	<i>IV. Hàng tồn kho</i>		<b>6.577.281.638</b>	<b>10.626.098.562</b>
141	1. Hàng tồn kho	8	7.435.318.990	11.450.851.884
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	8	(858.037.352)	(824.753.322)
150	<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>		<b>151.238.133.645</b>	<b>95.194.234.536</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	135.702.515.281	79.658.652.840
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.195.693	1.159.025
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	15.534.422.671	15.534.422.671
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>3.414.684.897.878</b>	<b>3.200.588.484.025</b>
210	<i>I. Phải thu dài hạn</i>		<b>270.200.000</b>	<b>1.610.992.507</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	270.200.000	1.610.992.507
220	<i>II. Tài sản cố định</i>		<b>632.165.648.053</b>	<b>669.315.020.501</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình Nguyên giá	10	537.313.306.447	558.281.779.132
222	Giá trị khấu hao lũy kế		898.828.543.558	914.575.960.004
223	(361.515.237.111)		(356.294.180.872)	
227	2. Tài sản cố định vô hình Nguyên giá	11	94.852.341.606	111.033.241.369
228	Giá trị hao mòn lũy kế		729.449.373.322	753.528.934.517
229	(634.597.031.716)		(642.495.693.148)	
240	<i>III. Tài sản dở dang dài hạn</i>		<b>36.847.345.000</b>	<b>17.617.137.146</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	36.847.345.000	17.617.137.146
250	<i>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	13	<b>2.631.908.408.782</b>	<b>2.385.673.390.856</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con	13.1	6.435.762.611.378	4.838.648.044.366
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	13.2	1.375.550.935.009	1.195.550.935.009
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	13.3	(5.179.405.137.605)	(3.649.525.588.519)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	1.000.000.000
260	<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	9	<b>113.493.296.043</b>	<b>126.371.943.015</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		113.493.296.043	126.371.943.015
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>4.901.697.995.895</b>	<b>5.888.802.828.315</b>

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>3.985.519.926.963</b>	<b>3.520.345.993.874</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>3.819.686.404.164</b>	<b>3.432.929.841.793</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	624.088.124.748	568.517.870.360
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	32.091.505.200	30.289.132.286
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	58.287.825.451	38.077.999.797
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	885.715.742.579	945.423.731.948
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	1.167.748.659.892	1.086.949.025.152
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	54.207.860.907	45.191.376.040
320	7. Vay ngắn hạn	20	997.546.685.387	718.480.706.210
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>165.833.522.799</b>	<b>87.416.152.081</b>
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	18	146.145.314.999	66.951.008.607
337	2. Phải trả dài hạn khác	19	634.564.500	558.379.674
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	21	19.053.643.300	19.906.763.800
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>22</b>	<b>916.178.068.932</b>	<b>2.368.456.834.441</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>916.178.068.932</b>	<b>2.368.456.834.441</b>
411	1. Vốn cổ phần		287.360.000.000	287.360.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		287.360.000.000	287.360.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(60.038.260.807)	(60.038.260.807)
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		688.856.329.739	2.141.135.095.248
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		2.141.135.095.248	2.482.476.505.399
421b	- Lỗi kỳ này		(1.452.278.765.509)	(341.341.410.151)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>4.901.697.995.895</b>	<b>5.888.802.828.315</b>

Hoàng Thị Huệ  
Người lập

Lê Trung Tín  
Kế toán trưởng



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (Trình bày lại – Thuyết minh số 34)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	2.368.860.174.637	1.901.584.633.328
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	2.368.860.174.637	1.901.584.633.328
11	3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(1.505.691.469.844)	(1.560.637.860.606)
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		863.168.704.793	340.946.772.722
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	16.585.377.826	350.179.043.277
22	6. Chi phí tài chính	25	(1.567.920.971.180)	(273.445.480.040)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(26.868.399.612)	(3.798.324.605)
25	7. Chi phí bán hàng	26	(337.165.031.967)	(518.512.317.118)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(426.812.497.404)	(438.968.236.227)
30	9. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.452.144.417.932)	(539.800.217.386)
31	10. Thu nhập khác	27	917.634.504	1.693.730.103
32	11. Chi phí khác	27	(1.051.982.081)	(24.732.237.703)
40	12. Lỗ khác	27	(134.347.577)	(23.038.507.600)
50	13. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(1.452.278.765.509)	(562.838.724.986)
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	-	-
52	15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	29.1	-	-
60	16. Lỗ sau thuế TNDN		(1.452.278.765.509)	(562.838.724.986)

Hoàng Thị Huệ  
Người lập

Lê Trung Tín  
Kế toán trưởng



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (Trình bày lại – Thuyết minh số 34)
01	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b> <b>Tổng lỗ kế toán trước thuế</b> <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		(1.452.278.765.509)	(562.838.724.986)
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11	65.649.188.009	73.125.519.560
03	Các khoản dự phòng		1.525.779.987.252	273.424.465.214
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ			
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		1.308.864.361	246.690.769
06	Chi phí lãi vay	25	(3.350.755.099)	(336.075.944.416)
08	<b>Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		163.976.918.626	(548.319.669.254)
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(86.304.832.683)	43.710.261.315
10	Giảm hàng tồn kho		4.015.532.894	2.461.813.701
11	Tăng các khoản phải trả		181.415.611.471	1.088.608.810.561
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(43.165.215.469)	14.915.119.914
14	Tiền lãi vay đã trả		(27.111.340.266)	(3.411.732.101)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		192.826.674.573	597.964.604.136
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(57.245.077.950)	(52.796.331.485)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		473.729.615	376.863.969
24	Thu thuần tiền gửi kỳ hạn ngân hàng		50.000.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư vào công ty con và công ty liên kết		(1.569.475.468.612)	(697.800.003.500)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào một công ty liên kết		-	113.901.634.238
27	Tiền lãi và lợi nhuận đã nhận		12.024.097.203	339.925.319.515
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		(1.564.222.719.744)	(296.392.517.263)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền nhận đặt cọc mua cổ phần		8.990.040.000	8.724.030.000
33	Tiền thu từ đi vay	20	1.004.452.700.899	496.458.925.715
34	Tiền trả nợ gốc vay	20	(725.386.721.722)	-

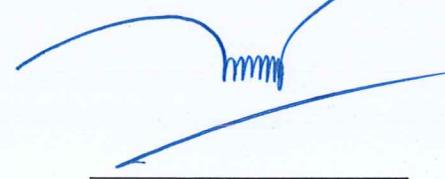
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIẾU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (Trình bày lại – Thuyết minh số 34)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		288.056.019.177	505.182.955.715
50	Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong kỳ		(1.083.340.025.994)	806.755.042.588
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		1.732.371.924.390	925.574.551.452
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		905.119.147	64.776.434
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	649.937.017.543	1.732.394.370.474



Hoàng Thị Huệ  
Người lập



Lê Trung Tín  
Kế toán trưởng



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần VNG ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") lần đầu số 4103002645 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 9 tháng 9 năm 2004 và các lần đăng ký thay đổi sau đó.

Hoạt động chính được đăng ký theo các GCNĐKKD của Công ty bao gồm:

- ▶ kinh doanh trò chơi điện tử, cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng;
- ▶ tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- ▶ lập trình máy vi tính, sản xuất phần mềm, tư vấn và cung cấp phần mềm;
- ▶ quảng cáo thương mại;
- ▶ dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng, xây dựng cơ sở dữ liệu, lưu trữ cơ sở dữ liệu, khai thác cơ sở dữ liệu; và
- ▶ đại lý hoa hồng mua bán thẻ điện thoại, thẻ internet, thẻ trò chơi.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2022, cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phê duyệt để giao dịch trên sàn UPCOM của Việt Nam, là một thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty chưa niêm yết theo Quyết định số 874/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 5 tháng 1 năm 2023.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số Z06, Đường 13, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 1.595 người (Ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1.587 người).

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có mươi một (11) công ty con trực tiếp, hai mươi bảy (27) công ty con gián tiếp, năm (5) công ty liên kết trực tiếp và năm (5) công ty liên kết gián tiếp với chi tiết về tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết cả trực tiếp và gián tiếp được trình bày như bảng bên dưới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIỀN ĐQ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có mươi một (11) công ty con trực tiếp và hai mươi bảy (27) công ty con gián tiếp với chi tiết như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
<i>I. Công ty con trực tiếp</i>						
1.	Công ty Cổ phần Dịch vụ - Dữ liệu Công nghệ Thông tin VinaData ("VinaData")	99,989	99,989	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Đang hoạt động
2.	Công ty Cổ phần Công nghệ EPI ("EPI")	100,00	100,00	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến, thiết kế trang mạng, phần mềm và các công nghệ truyền thông	Đang hoạt động
3.	Công ty TNHH VNG Online ("VNG Online")	100,00	100,00	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ cung thông tin và sản xuất phần mềm các loại	Đang hoạt động
4.	Công ty Cổ phần Dịch vụ mạng VinaNet ("Vinanet")	99,50	99,50	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ giá trị gia tăng trên di động và mang viễn thông	Đang hoạt động
5.	Công ty TNHH Phát triển Phần mềm VNG ("VNGS")	100,00	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	Đang hoạt động
6.	Công ty TNHH Zie ("Zie")	100,00	100,00	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
7.	Công ty Cổ phần Zion ("Zion")	99,999	99,999	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ trung gian thanh toán	Đang hoạt động
8.	Công ty TNHH ZingPlay Việt Nam ("ZPS")	100,00	100,00	Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
9.	Công ty Cổ phần A4B ("A4B")	69,80	69,80	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Lập trình máy vi tính, sản xuất phần mềm	Đang hoạt động
10.	Quỹ Kiến tạo Ước mơ ("DMF")	100,00	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quỹ xã hội, tổ chức phi lợi nhuận	Đang hoạt động

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIỀM ĐỌ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có mươi một (11) công ty con trực tiếp và hai mươi bảy (27) công ty con gián tiếp với chi tiết như sau (tiếp theo):

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
<i>I. Công ty con trực tiếp (tiếp theo)</i>						
11.	Công ty TNHH Verichains ("Verichains")	100,00	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	Đang hoạt động
<i>II. Công ty con gián tiếp</i>						
1.	Công ty TNHH Truyền thông Minh Phương Thịnh ("MPT")	100,00	100,00	Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
2.	Công ty Cổ phần VNG Data Center ("VNG DC")	50,994	51,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Đang hoạt động
3.	VNG Singapore Pte. Ltd. ("VNG Singapore")	99,989	100,00	Singapore	Phát triển và phân phối phần mềm, thiết bị và linh kiện máy tính; cung cấp dịch vụ liên quan đến phần mềm và hậu mãi	Đang hoạt động
4.	VNG Myanmar Company Limited ("VNG Myanmar")	99,989	100,00	Yangon, Myanmar	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
5.	MLT Hong Kong Limited ("MLT HK") (*)	100,00	100,00	Hồng Kông	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Trước hoạt động
6.	VNG Games Co., Ltd ("VNG Games")	99,989	100,00	Thành phố Bangkok, Thái Lan	Phát triển và trò chơi trực tuyến và cập nhật trò chơi	Đang hoạt động
7.	Công ty Cổ phần XFM ("XFM")	99,989	99,989	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Ghi âm và xuất bản âm nhạc	Đang hoạt động
8.	ZingPlay International Pte. Ltd. ("ZPI")	99,989	100,00	Singapore	Phát triển và phân phối phần mềm, thiết bị và linh kiện máy tính	Đang hoạt động

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIỀN ĐỌ** (tiếp theo)  
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có mươi một (11) công ty con trực tiếp và hai mươi bảy (27) công ty con gián tiếp với chi tiết như sau (tiếp theo):

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
<i>II. Công ty con gián tiếp</i> (tiếp theo)						
9.	Công ty TNHH Thương mại Dịch Vụ Truyền Thông Thanh Sơn ("Thanh Sơn")	99,999	100,00	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Kinh doanh thẻ trò chơi và thẻ viễn thông	Đang hoạt động
10.	Công ty Cổ phần Adtima ("Adtima")	99,999	99,999	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến	Đang hoạt động
11.	Công ty Cổ phần Fiza ("Fiza")	99,997	99,998	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến	Đang hoạt động
12.	Công ty TNHH VNG Solutions ("VNG Solutions")	99,50	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	Đang hoạt động
13.	Công ty Cổ phần Mixus ("Mixus")	99,934	99,934	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc	Đang hoạt động
14.	KMZ Interactive Entertainment (Shenzhen) Co., Ltd. ("KMZ") (*)	99,989	100,00	Trung Quốc	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Trước hoạt động
15.	Verichains SG Pte. Ltd ("Verichains SG")	100,00	100,00	Singapore	Phát triển phần mềm và ứng dụng, các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác	Đang hoạt động
16.	Instantiapay Holdings Pte. Ltd. ("Instipay Holdco") (*) (i)	47,730	66,67	Singapore	Hoạt động đầu tư	Trước hoạt động
17.	InstantiaPay SG Pte. Ltd. ("Instipay SG") (*)	47,730	100,00	Singapore	Dịch vụ tài chính (trừ bảo hiểm và trợ cấp hưu trí)	Trước hoạt động
18.	InstantiaPay Pty Ltd ("Instipay AU")	47,730	100,00	Úc	Dịch vụ tài chính (trừ bảo hiểm và trợ cấp hưu trí)	Đang hoạt động

(i) Công ty giữ 47,73% quyền sở hữu trực tiếp ở Instipay Holdco theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của công ty này. Tỷ lệ quyền biểu quyết 66,67% được tính bao gồm cả tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp của Công ty.

## 1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có mươi một (11) công ty con trực tiếp và hai mươi bảy (27) công ty con gián tiếp với chi tiết như sau (tiếp theo):

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
<i>II. Công ty con gián tiếp (tiếp theo)</i>						
19.	InstantiaPay Limited (United Kingdom) ("Instipay UK") (*)	47,730	100,00	Vương Quốc Anh	Dịch vụ tài chính (trừ bảo hiểm và trợ cấp hưu trí)	Trước hoạt động
20.	InstantiaPay Limited (Hongkong) ("Instipay HK") (*)	47,730	100,00	Hong Kong	Dịch vụ tài chính (trừ bảo hiểm và trợ cấp hưu trí)	Trước hoạt động
21.	Công ty TNHH InstantiaPay Việt Nam ("Instipay VN") (*)	100,00	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	Trước hoạt động
22.	VNG Investment Pte. Ltd. ("VNG Investment") (*)	100,00	100,00	Singapore	Phát triển và kinh doanh phần mềm, thiết bị và phụ tùng máy tính và các dịch vụ liên quan đến phần mềm	Trước hoạt động
23.	YoPlatform FZE ("YoPlatform") (*)	100,00	100,00	Dubai, các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống Nhất	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Trước hoạt động
24.	Công ty Cổ phần Greennode ("Greennode Việt Nam")	98,989	99,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Đang hoạt động
25.	Greennode Pte. Ltd. ("Greennode SG")	99,989	100,00	Singapore	Cung cấp dịch vụ lưu trữ dữ liệu	Đang hoạt động
26.	Greennode Co., Ltd ("Greennode TH")	99,989	100,00	Thái Lan	Cung cấp dịch vụ lưu trữ dữ liệu	Đang hoạt động
27.	VNG Technologies LLC (*)	100,00	100,00	Dubai, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất	Dịch vụ mạng công nghệ thông tin; Thiết bị Hệ thống Máy tính và Truyền thông; Thiết kế phần mềm; Dịch vụ công nghệ số cài phần mềm; Tư vấn Công nghệ thông tin	Trước hoạt động

(\*) Các công ty này đang ở giai đoạn trước hoạt động, nghĩa là đang trong giai đoạn đầu tư và chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2024.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)  
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có năm (5) công ty liên kết trực tiếp và năm (5) công ty liên kết gián tiếp với chi tiết như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính
		Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)		
<i>I. Công ty liên kết trực tiếp</i>					
1.	Công ty Cổ phần DayOne ("Day One")	27,27	27,27	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Thương mại điện tử
2.	Công ty Cổ phần Công nghệ Ecotruck ("Ecotruck")	23,94	23,94	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất phần mềm và hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
3.	Nhóm công ty Funding Asia Group Pte. Ltd ("Funding Asia")	3,63	4,67	Singapore	Kinh doanh vận hành và quản lý nền tảng tài chính số
4.	Telio Pte. Ltd ("Telio")	16,55	16,55	Singapore	Công ty đầu tư
5.	Công ty Cổ phần Phát triển Phần mềm VTH ("VTH")	35,00	35,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; cho thuê văn phòng
<i>II. Công ty liên kết gián tiếp</i>					
1.	Tiki Global Pte. Ltd ("Tiki Global")	14,61	14,61	Singapore	Công ty đầu tư
2.	Beijing YouTu Interactive Co., Ltd ("Beijing YouTu")	14,00	14,00	Thành phố Beijing, Trung Quốc	Phân phối bản quyền trò chơi điện tử
3.	Rocketeer Holding Limited ("Rocketeer")	11,25	11,25	Đảo Cayman	Công ty đầu tư
4.	Open Commerce Group Ltd. ("OCG")	12,17	12,17	Singapore	Thương mại điện tử
5.	Cloudverse Pte. Ltd ("Cloudverse")	30,00	30,00	Singapore	Dịch vụ tư vấn công nghệ thông tin và lưu trữ dữ liệu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 13.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đền ngày 29 tháng 8 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

### 2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐÔ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### 2.6 Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Như được trình bày trên báo cáo tài chính riêng, Công ty phát sinh khoản lỗ thuần sau thuế với giá trị là 1.452.278.765.509 VND cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024. Ngoài ra, tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 2.332.673.306.147 VND. Điều kiện này cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Công ty đã lập kế hoạch cho 12 tháng tiếp theo kể từ ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, bao gồm việc xem xét đến yếu tố tăng trưởng doanh thu và tối ưu hóa hiệu quả hoạt động để cải thiện dòng tiền từ hoạt động kinh doanh. Công ty tin tưởng rằng, dựa trên kế hoạch dòng tiền dự phóng, Công ty có thể đảm bảo đủ nguồn tiền và các khoản tương đương tiền để đáp ứng các nhu cầu hoạt động kinh doanh thông thường trong vòng 12 tháng tới. Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán công cụ, dụng cụ, hàng khuyến mãi, thẻ trò chơi trả trước và hàng hóa cuối kỳ với giá trị được xác định bằng chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với công cụ, dụng cụ, hàng khuyến mãi, thẻ trò chơi trả trước và hàng hóa thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.4 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất ký với Khu Chế Xuất Tân Thuận Đông số 258/TTC-NV.13 vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 trong thời hạn 28 năm và số 078/TTC-NV.16 vào ngày 27 tháng 4 năm 2016 trong thời hạn 25 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013, hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí dự án hay chi phí theo thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

#### 3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	21 năm
Máy móc và thiết bị	1,5 - 3 năm
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	3 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	1,5 - 3 năm
Tài sản khác	3 - 5 năm

Trường hợp các phần của một tài sản cố định hữu hình có thời hạn hữu dụng khác nhau, chi phí của phần đó được phân bổ hợp lý giữa các phần và được trích khấu hao riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐÔ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kê toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

##### Phần mềm

Phần mềm được ghi nhận theo giá gốc và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng hữu ích ước tính và thời gian mua phần mềm.

##### Chi phí nghiên cứu và triển khai

Toàn bộ chi phí nghiên cứu được ghi nhận vào chi phí phát sinh trong kỳ. Chi phí triển khai cho từng dự án chỉ được ghi nhận là tài sản cố định vô hình nếu Công ty đồng thời thỏa mãn được các điều kiện sau:

- ▶ Tính khả thi về mặt kỹ thuật đảm bảo cho việc hoàn thành và đưa tài sản cố định vô hình vào sử dụng hoặc để bán;
- ▶ Công ty dự định hoàn thành tài sản cố định vô hình để sử dụng hoặc để bán;
- ▶ Công ty có khả năng sử dụng hoặc bán tài sản cố định vô hình đó;
- ▶ Tài sản cố định vô hình đó phải tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai;
- ▶ Công ty có đầy đủ các nguồn lực để hoàn tất các giai đoạn triển khai, bán hoặc sử dụng tài sản cố định vô hình đó; và
- ▶ Có khả năng xác định một cách chắc chắn toàn bộ chi phí trong giai đoạn triển khai để tạo ra tài sản cố định vô hình đó.

Chi phí triển khai đã được vốn hóa được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Hao mòn chi phí triển khai được bắt đầu khi quá trình phát triển đã được hoàn thành và tài sản cố định vô hình đã sẵn sàng để sử dụng.

##### Chi phí phát triển phần mềm trên trang mạng và phần mềm sử dụng nội bộ

Công ty ghi nhận tất cả chi phí phát triển phần mềm trên trang mạng và phần mềm sử dụng nội bộ phát sinh liên quan đến giai đoạn hoạch định và chi phí phát sinh liên quan đến việc sửa chữa hoặc bảo trì các trang mạng (website) và phần mềm hiện hành vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Chi phí phát sinh trong giai đoạn phát triển đáp ứng các tiêu chuẩn vốn hóa chi phí phát triển thì được vốn hóa và phân bổ trong thời gian sử dụng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm:

*Trò chơi và phần mềm dở dang*

Trò chơi và phần mềm dở dang thể hiện chi phí đã phát sinh liên quan đến việc phát triển trò chơi và phần mềm dở dang chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

*Tài sản dở dang*

Tài sản dở dang thể hiện chi phí đã phát sinh liên quan đến việc mua sắm tài sản và xây dựng dở dang chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng, lắp đặt thiết bị và các chi phí phát sinh trực tiếp khác cho đến khi tài sản được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Công ty không trích khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho đến khi tài sản sẵn sàng để đưa vào sử dụng.

#### 3.8 Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

#### 3.9 Các khoản đầu tư

*Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.10 *T trợ cấp thôi việc phải trả*

T trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Công ty. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

#### 3.11 *Các khoản phải trả và chi phí phải trả*

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.12 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa.

#### 3.13 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐÔ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt trong kỳ họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### 3.15 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

#### 3.16 Nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu

Ban Tổng Giám đốc đã quyết định không hạch toán nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho đến khi quyền mua được thực hiện mà chỉ trình bày các thông tin liên quan đến các nghiệp vụ này tại Thuyết minh số 32 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, do chưa có hướng dẫn cụ thể về cách hạch toán các nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

#### 3.17 Ghi nhận doanh thu

##### Doanh thu trò chơi trực tuyến

Công ty phân phối các trò chơi trực tuyến, bao gồm các trò chơi mà Công ty tự phát triển và các trò chơi được cấp phép bởi các nhà phát triển trò chơi khác, thông qua máy tính cá nhân (PC), ứng dụng trên thiết bị di động hoặc trình duyệt web và các cửa hàng ứng dụng điện tử cho phép người chơi được chơi miễn phí hoặc có trả phí. Trong các trò chơi này, người chơi có thể mua tiền ảo và dùng tiền ảo để mua hàng hóa ảo hoặc có thể mua hàng hóa ảo trực tiếp ("vật phẩm ảo") để nâng cao trải nghiệm cho người chơi. Công ty ghi nhận doanh thu chưa thực hiện khi nhận được tiền từ việc người chơi mua trực tiếp tiền ảo hoặc vật phẩm ảo, hoặc khi người chơi sử dụng thẻ nạp tiền để mua tiền ảo hoặc vật phẩm ảo.

Theo các thỏa thuận cấp phép với các nhà phát triển trò chơi trực tuyến, trong trường hợp Công ty chịu trách nhiệm kiểm soát, vận hành và bảo trì trò chơi, bao gồm việc duy trì đội ngũ vận hành và bảo mật, môi trường thử nghiệm và dịch vụ khách hàng, doanh thu được ghi nhận trên cơ sở gộp. Phí bản quyền trả cho nhà phát triển trò chơi (dựa trên tỷ lệ chia sẻ doanh thu) được ghi nhận vào giá vốn khi phát sinh. Trong trường hợp ngược lại, doanh thu được ghi nhận trên cơ sở thuần, tức là, sau khi trừ đi phí bản quyền.

Đối với trò chơi trực tuyến, nghĩa vụ thực hiện của Công ty được xác định khi Công ty tạo ra trò chơi và cung cấp các dịch vụ liên quan đến trò chơi diễn ra xuyên suốt cho người chơi. Khi đó, doanh thu được ghi nhận khi nghĩa vụ thực hiện được hoàn tất. Với mục đích xác định thời hạn thực hiện nghĩa vụ, Công ty đã xem xét đến một số yếu tố bao gồm: tính chất của từng trò chơi, tính chất của vật phẩm ảo được bán, cách bán vật phẩm ảo và tầm quan trọng của chúng đối với người chơi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐÔ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kê toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

##### *Doanh thu trò chơi trực tuyến (tiếp theo)*

Hàng quý, Công ty ước tính thời gian chơi trung bình của người chơi cho mỗi trò chơi trực tuyến dựa trên "tỷ lệ rời bỏ" bằng cách sử dụng nhiều điểm dữ liệu trong ba tháng của quý. Để tính toán tỷ lệ rời bỏ, Công ty xác định số lượng người chơi thực hiện thanh toán vào tháng đầu tiên của mỗi quý và theo dõi hành vi của người chơi để xác định tỷ lệ rời bỏ tiếp theo của những người chơi, tức là, số lượng người chơi không đăng nhập vào trò chơi trong hai tháng tiếp theo của quý. Công ty xác định rằng một người chơi sẽ "rời bỏ" nếu thanh toán vào tháng đầu tiên của quý nhưng không quay lại chơi trò chơi trong những tháng còn lại của quý đó. Đối với vài trò chơi trực tuyến riêng biệt, hoặc khi một trò chơi mới được ra mắt và chỉ có một khoảng thời gian giới hạn về dữ liệu người chơi trả tiền, Công ty sẽ xem xét các yếu tố khác để ước tính thời gian chơi của người chơi, chẳng hạn như thời gian chơi ước tính của người chơi các trò chơi khác có đặc điểm tương tự.

Mặc dù Công ty tin rằng các ước tính của mình là hợp lý dựa trên thông tin về người chơi trò chơi trực tuyến có sẵn tại mỗi thời điểm, nhưng thời gian chơi trung bình ước tính có thể được điều chỉnh nếu đặc điểm của người chơi trò chơi thay đổi. Việc điều chỉnh doanh thu phát sinh từ việc thay đổi ước tính về thời gian chơi trung bình trong một quý nhất định sẽ được hạch toán tương ứng như một thay đổi trong ước tính kế toán. Sự thay đổi như vậy là kết quả của thông tin mới về mô hình hành vi của người chơi trò chơi trực tuyến.

Công ty cung cấp nhiều phương thức để người dùng thanh toán các vật phẩm ảo trong trò chơi, bao gồm nền tảng ZaloPay, chuyển khoản ngân hàng, thẻ tín dụng, thanh toán thông qua điện thoại di động, thẻ trả trước do chính Công ty bán thông qua các đại lý và các cổng thanh toán trực tuyến khác.

Đối với doanh thu nhận được thông qua nền tảng điện thoại di động, giá giao dịch là tổng số tiền mà Công ty tính cho người chơi vì Công ty là chủ thể trong giao dịch này. Công ty kiểm soát dịch vụ cung cấp trò chơi trực tuyến cho người chơi và có thỏa thuận hợp đồng trực tiếp với người chơi trả tiền. Phí nền tảng và phí xử lý thanh toán được ghi nhận là giá vốn.

Đối với doanh thu nhận được thông qua các kênh phân phối khác (ví dụ như thông qua đại lý, công ty viễn thông và nền tảng trực tuyến), Công ty cũng là chủ thể trong các giao dịch này. Công ty ghi nhận doanh thu theo số tiền nhận được từ nhà phân phối. Các nhà phân phối này có thể chọn thay đổi mức giá mà Công ty yêu cầu bằng cách đưa ra chiết khấu hoặc các ưu đãi khác cho người chơi. Công ty không nhận được thông tin từ các nhà phân phối này về số tiền giảm giá, hoặc ưu đãi, hoặc số tiền thực tế mà người chơi thanh toán.

Công ty ghi nhận chi phí cho các kênh thanh toán là chi phí phát sinh gia tăng, nhất quán với cách ghi nhận doanh thu tương ứng. Đối với những trò chơi trực tuyến, trong đó các yếu tố cho thấy trải nghiệm chơi trò chơi và môi trường ảo đóng vai trò quan trọng đối với người chơi hơn là vật phẩm ảo được bán, thì chi phí cho các kênh thanh toán này được ghi nhận theo thời gian chơi trung bình ước tính của người chơi. Đối với những trò chơi trong đó các yếu tố cho thấy vật phẩm ảo đóng vai trò quan trọng đối với người chơi hơn trải nghiệm chơi trò chơi thì chi phí cho các kênh thanh toán này được ghi nhận trên cơ sở nhất quán với doanh thu liên quan.

##### *Doanh thu dịch vụ quảng cáo trực tuyến*

Doanh thu dịch vụ quảng cáo trực tuyến bao gồm doanh thu từ việc quảng cáo trên trang chủ của Công ty, trên trang chủ của các trò chơi trực tuyến dưới hình thức băng rôn, các địa chỉ kết nối và biểu tượng, v.v và được ghi nhận dựa trên thời gian thực tế mà các quảng cáo này xuất hiện trên trang mạng tương ứng.

##### *Dịch vụ công nghệ tài chính và các dịch vụ đầu tư dài hạn khác*

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐÔ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.17 *Ghi nhận doanh thu* (tiếp theo)

*Dịch vụ công nghệ tài chính và các dịch vụ đầu tư dài hạn khác* (tiếp theo)

Khi cung cấp dịch vụ theo chương trình dành cho khách hàng truyền thống thỏa mãn đồng thời các điều kiện quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC, doanh thu được ghi nhận trên cơ sở tổng số tiền thu được trừ đi phần doanh thu chưa thực hiện là giá trị hợp lý của hàng hóa, dịch vụ cung cấp miễn phí hoặc số tiền chiết khấu, giảm giá cho khách hàng. Doanh thu đối với hàng hóa, dịch vụ phải cung cấp miễn phí đó sẽ được ghi nhận khi đã thực hiện nghĩa vụ với khách hàng hoặc khách hàng không đạt đủ điều kiện theo quy định và không được hưởng dịch vụ miễn phí.

*Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

#### 3.18 *Giá vốn dịch vụ cung cấp*

Giá vốn dịch vụ cung cấp chủ yếu bao gồm chi phí mua phần mềm ban đầu, phí phần mềm theo doanh thu, chi phí triển khai và điều hành trò chơi, các chi phí liên quan đến trung tâm dữ liệu và các chi phí chung trực tiếp khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ.

#### 3.19 *Thuế*

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ trên cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ các chênh lệch tạm thời chịu gánh liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐÔ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.19 Thuế (tiếp theo)

##### Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm trong tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tiền mặt	192.438.183	246.056.841	
Tiền gửi ngân hàng	18.774.579.360	569.325.867.549	
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>630.970.000.000</u>	<u>1.162.800.000.000</u>	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>649.937.017.543</u></b>	<b><u>1.732.371.924.390</u></b>	

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng và được hưởng lãi suất dao động từ 0,2% đến 3,7%/năm.

### 5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGÂN HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi ngân có kỳ hạn còn lại dưới một (1) năm và được hưởng lãi suất 5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐÔ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

### 6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Phải thu khách hàng</b>			
Apple INC.	74.817.680.648	78.217.750.864	
Google INC.	42.580.152.985	42.802.102.715	
Phải thu khách hàng khác	11.905.538.211	13.517.198.240	
	20.331.989.452	21.898.449.909	
<b>Phải thu bên liên quan</b> (Thuyết minh số 30)	<b>258.062.162.998</b>	<b>197.020.445.013</b>	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>332.879.843.646</b>	<b>275.238.195.877</b>	
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(988.043.702)	(1.995.144.589)	
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>331.891.799.944</b>	<b>273.243.051.288</b>	

### 6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Trả trước cho người bán</b>			
Công ty Cổ phần Truyền thông Gapit	22.789.461.142	8.773.356.657	
Công ty TNHH Great Auto	13.345.083.070	-	
Tạp chí Điện tử Tri thức Trực tuyến	2.328.853.700	-	
Trả trước cho người bán khác	1.000.000.000	4.000.000.000	
	6.115.524.372	4.773.356.657	
<b>Trả trước cho bên liên quan</b> (Thuyết minh số 30)	<b>373.853.800</b>	<b>346.006.200</b>	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>23.163.314.942</b>	<b>9.119.362.857</b>	

## 7. CÁC KHOÁN PHẢI THU KHÁC

	VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Ngắn hạn</b>			
Tạm ứng góp vốn vào các công ty con	318.205.550.305	512.659.672.657	
Chi hộ	296.000.000.000	492.639.098.400	
Tạm ứng cho nhân viên	7.901.090.663	9.015.209.598	
Đặt cọc cho các hoạt động kinh doanh	7.044.830.023	3.334.431.982	
Tiền lãi phải thu	5.046.390.487	3.787.077.980	
Khác	489.261.644	3.198.306.851	
	1.723.977.488	685.547.846	
<b>Đặt cọc dài hạn cho các hoạt động kinh doanh</b>	<b>270.200.000</b>	<b>1.610.992.507</b>	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>318.475.750.305</b>	<b>514.270.665.164</b>	
<i>Trong đó:</i>			
Phải thu khác bên khác	17.095.850.935	14.598.387.147	
Phải thu khác bên liên quan (Thuyết minh số 30)	301.379.899.370	499.672.278.017	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 8. HÀNG TỒN KHO

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Công cụ, dụng cụ	5.257.338.474	-	7.444.666.767	-
Hàng khuyến mãi	2.177.980.516	(858.037.352)	4.006.185.117	(824.753.322)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.435.318.990</b>	<b>(858.037.352)</b>	<b>11.450.851.884</b>	<b>(824.753.322)</b>

*Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:*

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Số đầu kỳ	824.753.322	874.816.605
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	33.284.030	24.000.548
Số cuối kỳ	<u>858.037.352</u>	<u>898.817.153</u>

### 9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Phí bản quyền phần mềm	135.702.515.281	79.658.652.840
Chi phí kênh phân phối	64.423.424.159	12.479.946.797
Chi phí dịch vụ trả trước	41.322.090.298	34.513.869.469
Phí bản quyền âm nhạc	22.857.341.085	25.393.334.819
Khác	7.023.102.977	6.154.762.369
	76.556.762	1.116.739.386
<b>Dài hạn</b>		
Tiền thuê đất trả trước (*)	113.493.296.043	126.371.943.015
Công cụ, dụng cụ	75.011.838.403	77.307.186.948
Phí bản quyền âm nhạc	16.097.831.911	18.793.010.189
Chi phí sửa chữa văn phòng	11.626.410.093	16.350.800.351
Chi phí kênh phân phối	7.598.305.901	9.836.593.822
Khác	1.980.856.409	1.435.415.969
	1.178.053.326	2.648.935.736
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>249.195.811.324</b>	<b>206.030.595.855</b>
<i>Trong đó:</i>		
Chi phí trả trước bên khác	244.540.883.173	206.030.595.855
Chi phí trả trước bên liên quan (Thuyết minh số 30)	4.654.928.151	-

(\*) Công ty sử dụng tiền thuê đất trả trước để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại ngân hàng (Thuyết minh số 20).

Công ty Cổ phần VNG

B09a-DN

THUỶẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	Văn phòng	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	VND
<b>Nguyên giá</b>							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023							
Mua trong kỳ	657.061.467.139	31.149.364.370	38.839.595.567	137.049.068.489	50.476.464.439	-	914.575.960.004
Thanh lý	-	(21.936.797.475)	5.773.652.236 (811.028.819)	3.118.858.909 (1.892.101.297)	-	-	8.892.511.145 (24.639.927.591)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>657.061.467.139</u>	<u>9.212.566.895</u>	<u>43.802.218.984</u>	<u>138.275.826.101</u>	<u>50.476.464.439</u>	<u>-</u>	<u>898.828.543.558</u>
Trong đó: Đã khấu hao hết	-	9.212.566.894	17.361.162.637	84.156.628.553	49.883.200.803	-	160.613.558.887
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	(133.041.017.216)	(31.149.364.370)	(30.225.713.197)	(111.998.768.332)	(49.879.317.757)	-	(356.294.180.872)
Khấu hao trong kỳ	(15.558.832.556)	-	(4.441.285.841)	(9.735.425.444)	(98.859.336)	-	(29.834.403.177)
Thanh lý	-	21.936.797.475	811.028.819	1.865.520.644	-	-	24.613.346.938
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>(148.599.849.772)</u>	<u>(9.212.566.895)</u>	<u>(33.855.970.219)</u>	<u>(119.868.673.132)</u>	<u>(49.978.177.093)</u>	<u>-</u>	<u>(361.515.237.111)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>524.020.449.923</u>	<u>-</u>	<u>8.613.882.370</u>	<u>25.050.300.157</u>	<u>597.146.682</u>	<u>-</u>	<u>558.281.779.132</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>508.461.617.367</u>	<u>-</u>	<u>9.946.248.765</u>	<u>18.407.152.969</u>	<u>498.287.346</u>	<u>-</u>	<u>537.313.306.447</u>
Trong đó: Tài sản thế chấp (Thuỷết minh số 20)	508.461.617.367	-	-	-	-	-	508.461.617.367

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐÔ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm</i>	<i>Khác</i>	<i>Tổng cộng</i>	VND
<b>Nguyên giá</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	749.191.812.653	4.337.121.864	753.528.934.517	
Mua trong kỳ	14.926.946.000	-	14.926.946.000	
Đầu tư XDCB hoàn thành	2.882.992.805	-	2.882.992.805	
Xóa sổ	(41.889.500.000)	-	(41.889.500.000)	
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>725.112.251.458</u>	<u>4.337.121.864</u>	<u>729.449.373.322</u>	
<i>Trong đó:</i>				
Đã hao mòn hết	525.935.386.874	4.337.121.864	530.272.508.738	
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	(638.158.571.284)	(4.337.121.864)	(642.495.693.148)	
Hao mòn trong kỳ	(35.814.784.832)	-	(35.814.784.832)	
Xóa sổ	35.956.451.287	-	35.956.451.287	
Khác	7.756.994.977	-	7.756.994.977	
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>(630.259.909.852)</u>	<u>(4.337.121.864)</u>	<u>(634.597.031.716)</u>	
<b>Giá trị còn lại</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>111.033.241.369</u>	-	<u>111.033.241.369</u>	
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>94.852.341.606</u>	-	<u>94.852.341.606</u>	

### 12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DÀNG

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	VND
Phần mềm trò chơi đang hoàn thiện	36.847.345.000	17.138.740.000	
Dự án Campus	-	478.397.146	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>36.847.345.000</u></b>	<b><u>17.617.137.146</u></b>	

### 13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	VND
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 13.1)	6.435.762.611.378	4.838.648.044.366	
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 13.2)	1.375.550.935.009	1.195.550.935.009	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	1.000.000.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.811.313.546.387</u></b>	<b><u>6.035.198.979.375</u></b>	
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (Thuyết minh số 13.3)	(5.179.405.137.605)	(3.649.525.588.519)	
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>2.631.908.408.782</u></b>	<b><u>2.385.673.390.856</u></b>	

## Công ty Cổ phần VNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 13.1 Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VNĐ)		
Zion (i)	99,999	5.141.651.547.562	72,654	3.364.556.980.550	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ trung gian thanh toán
VinaData (*)	99,989	898.100.000.000	99,989	898.100.000.000	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin
Vinanet	99,50	124.073.818.913	99,50	124.073.818.913	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ giá trị gia tăng trên di động và mang viễn thông
Verichains	100,00	114.502.400.000	100,00	114.502.400.000	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại
VNGS	100,00	60.000.000.000	100,00	60.000.000.000	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại
EPI	100,00	51.433.844.903	100,00	51.433.844.903	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến, thiết kế trang mạng, phần mềm và các công nghệ truyền thông
Zie	100,00	20.000.000.000	100,00	20.000.000.000	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến
A4B	69,80	15.001.000.000	69,80	15.001.000.000	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Lập trình máy vi tính, sân xuất phần mềm
ZPS	100,00	10.000.000.000	100,00	10.000.000.000	Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến
VNG Online	100,00	1.000.000.000	100,00	1.000.000.000	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ cống thông tin và sân xuất phần mềm các loại

(\*) Công ty sử dụng 40.000.000 cổ phần sở hữu trong VNĐT để đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng (Thuyết minh số 20).

## Công ty Cổ phần VNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐQ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 13.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

Tên công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)
VTH (ii)	-	-	100,00	179.980.000.000
DMF	100,00	-	100,00	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.435.762.611.378</b>			<b>4.838.648.044.366</b>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào công ty con		(4.778.429.823.126)		(3.297.652.422.621)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>1.657.332.788.252</b>			<b>1.540.995.621.745</b>

- (i) Trong quý 1 năm 2024, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm vốn vào Zion với tổng giá trị là 190.000.000.000 VND để tăng tỷ lệ sở hữu tại Zion từ 72,654% lên 73,758%.
- Vào ngày 9 tháng 5 năm 2024, Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 26,24108% tỷ lệ sở hữu trong Zion từ một cổ đông hiện hữu của Zion, với tổng giá mua là 1.234.455.468.612 VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu tại Zion của Công ty tăng từ 73,758% lên 99,99908% kể từ ngày này.
- Vào ngày 16 tháng 5 năm 2024, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm vốn vào Zion với tổng giá trị là 352.639.098.400 VND để tăng tỷ lệ sở hữu tại Zion từ 99,99908% lên 99,99914%.

- (ii) Vào ngày 17 tháng 5 năm 2024, Công ty đã hoàn tất việc mua 0,002% tỷ lệ sở hữu trong VTH từ MPT và VNGS, là các công ty con khác của Công ty, với giá trị là 20.000.000 VND để tăng vốn góp tại VTH từ 179.980.000.000 VND lên 180.000.000.000 VND.
- Vào ngày 23 tháng 10 năm 2023, Công ty và VTH đã ký kết Hợp đồng Đặng Ký Mua Cổ phiếu với một nhóm công ty là nhà đầu tư chiến lược để chào bán 33.428.572 cổ phần được phát hành thêm bởi VTH cho nhóm nhà đầu tư chiến lược này, với giá trị là 464.536.000.000 VND. Vào ngày 17 tháng 5 năm 2024, giao dịch trên đã hoàn tất. Theo đó, nhóm nhà đầu tư chiến lược sở hữu 65% tỷ lệ sở hữu tại VTH và Công ty sẽ giảm tỷ lệ sở hữu trong VTH xuống còn 35%. VTH trở thành công ty liên kết của Công ty kể từ ngày này.

# Công ty Cổ phần VNCG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

### 13.2 Đầu tư vào công ty /liên kết

Tên công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính
	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị đầu tư VNĐ	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị đầu tư VNĐ
Telio	16,55	515.273.409.170	16,55	515.273.409.170
Funding Asia (i)	3,63	398.648.069.622	3,8	398.648.069.622
VTH (Thuyết minh số 13.1)	35,00	180.000.000.000	-	-
Ecotruck (ii)	23,94	143.509.456.217	25,29	143.509.456.217
DayOne	27,27	138.120.000.000	27,27	138.120.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.375.550.935.009</b>		<b>1.195.550.935.009</b>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(400.975.314.479)		(351.873.165.898)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>		<b>974.575.620.530</b>		<b>843.677.769.111</b>

- (i) Trong năm 2024, Funding Asia đã hoàn tất phát hành thêm công cụ tài chính cho các nhà đầu tư nhằm tăng vốn. Tuy nhiên, Công ty Không tham gia quá trình này. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty đối với Funding Asia bị pha loãng còn 3,63%.
- (ii) Trong năm 2024, Ecotruck đã hoàn tất phát hành thêm công cụ tài chính cho các nhà đầu tư nhằm tăng vốn. Tuy nhiên, Công ty không tham gia quá trình này. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty đối với Ecotruck bị pha loãng còn 23,94%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 13.3 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

Chi tiết tăng (giảm) các khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn:

	VND	VND
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Số đầu kỳ	3.649.525.588.519	2.812.703.016.715
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	1.532.043.382.075	271.675.938.038
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	<u>(2.163.832.989)</u>	<u>(2.275.473.372)</u>
Số cuối kỳ	<u>5.179.405.137.605</u>	<u>3.082.103.481.381</u>

### 14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	VND
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Phải trả người bán</b>		
Seasun Games Corporation Limited	73.394.146.936	155.590.220.746
Google Asia Pacific Pte. Ltd.	43.826.243.129	38.923.642.380
Meta Platforms Ireland Limited	-	22.528.511.828
Phải trả người bán khác	-	10.801.944.283
<b>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 30)</b>	<b>550.693.977.812</b>	<b>412.927.649.614</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>624.088.124.748</u></b>	<b><u>568.517.870.360</u></b>

### 15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	VND
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tạm ứng từ bên thứ ba	<u>32.091.505.200</u>	<u>30.289.132.286</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐÔ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 16. THUẾ

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	<i>Tăng trong kỳ</i>	<i>Giảm trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>VND</i>
<b>Phải thu</b>					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>(15.534.422.671)</u>			<u>- (15.534.422.671)</u>	
<b>Phải nộp</b>					
Thuế giá trị gia tăng	24.387.371.909	172.067.956.543	(164.997.371.196)	31.457.957.256	
Thuế nhà thầu nước ngoài	7.569.912.132	156.369.423.266	(141.753.949.771)	22.185.385.627	
Thuế thu nhập cá nhân	<u>6.120.715.756</u>	<u>86.575.144.875</u>	<u>(88.051.378.063)</u>	<u>4.644.482.568</u>	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>38.077.999.797</u></b>	<b><u>415.012.524.684</u></b>	<b><u>(394.802.699.030)</u></b>	<b><u>58.287.825.451</u></b>	

## 17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	<i>VND</i>
Phí bản quyền phần mềm	518.956.804.935	661.604.737.055	
Chi phí lương	112.331.890.196	203.655.477.006	
Chi phí quảng cáo	100.511.517.283	19.838.196.597	
Chi phí phải trả khác	<u>153.915.530.165</u>	<u>60.325.321.290</u>	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>885.715.742.579</u></b>	<b><u>945.423.731.948</u></b>	
<i>Trong đó:</i>			
Chi phí phải trả cho đối tượng khác	471.768.461.532	527.447.216.116	
Chi phí phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 30)	<u>413.947.281.047</u>	<u>417.976.515.832</u>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

#### 18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện tiền nhận trước từ khách hàng để thực hiện các dịch vụ trò chơi trực tuyến và quảng cáo.

	VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Ngắn hạn</b>			
Dịch vụ trò chơi trực tuyến	<b>1.167.748.659.892</b>	<b>1.086.949.025.152</b>	
Dịch vụ quảng cáo	1.102.458.087.037	1.051.823.701.151	
Dịch vụ nhạc chờ và bản quyền bài hát	59.305.156.367	29.396.474.247	
	5.985.416.488	5.728.849.754	
<b>Dài hạn</b>			
Dịch vụ trò chơi trực tuyến	<b>146.145.314.999</b>	<b>66.951.008.607</b>	
Dịch vụ nhạc chờ và bản quyền bài hát	146.058.528.749	66.834.490.652	
	86.786.250	116.517.955	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.313.893.974.891</b>	<b>1.153.900.033.759</b>	
<i>Trong đó:</i>			
<i>Doanh thu chưa thực hiện với bên khác</i>	1.313.758.216.049	1.153.900.033.759	
<i>Doanh thu chưa thực hiện với bên liên quan</i> (Thuyết minh số 30)	135.758.842	-	

#### 19. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Ngắn hạn</b>			
Đặt cọc mua cổ phần	<b>54.207.860.907</b>	<b>45.191.376.040</b>	
Thuế nhà thầu nước ngoài	26.839.870.000	17.849.830.000	
Kinh phí công đoàn	19.114.562.903	22.774.338.680	
Khác	3.312.981.530	2.815.543.551	
	4.940.446.474	1.751.663.809	
<b>Dài hạn – Nhận đặt cọc</b>	<b>634.564.500</b>	<b>558.379.674</b>	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>54.842.425.407</b>	<b>45.749.755.714</b>	
<i>Trong đó:</i>			
<i>Phải trả cho bên khác</i>	54.589.705.407	45.497.035.714	
<i>Phải trả khác cho bên liên quan</i> (Thuyết minh số 30)	252.720.000	252.720.000	

## Công ty Cổ phần VNG

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 20. VAY NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2024
Vay ngắn hạn (*)	<u>718.480.706.210</u>	<u>1.004.452.700.899</u>	<u>(725.386.721.722)</u>	<u>997.546.685.387</u>
(*) Chi tiết khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại để bổ sung nhu cầu vốn lưu động được trình bày như sau:				
Ngân hàng	Số dư cuối kỳ	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
	VND	%/năm		(Thuyết minh số 9, số 10)
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	<u>997.546.685.387</u>	Từ ngày 5 tháng 7 năm 2024 đến ngày 23 tháng 12 năm 2024	5,5	(i) Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liên với đất thuộc Thửa đất Số 24, Tờ Bản đồ Số 31 (theo tài liệu đo đạc năm 2023), tọa lạc tại Lô Z.03b-04 và Lô Z.05-06-07, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.  (ii) Bốn mươi triệu (40.000.000) cổ phần phổ thông thuộc sở hữu của Công ty trong VinaData.

### 21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thẻ hiện khoản trợ cấp thời việc phải trả được trích lập theo Điều 46 của Bộ luật Lao động, như được đề cập trong Thuyết minh số 3.10.

# Công ty Cổ phần VNG

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIỀN ĐÓ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 22.1 Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quý	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Trình bày lại – Thuyết minh số 34)	VND
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	358.442.620.000	1.133.299.050.771	(1.264.419.931.578)	2.482.476.505.399 (562.838.724.986)	2.709.798.244.592 (562.838.724.986)
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	358.442.620.000	1.133.299.050.771	(1.264.419.931.578)	1.919.637.780.413	2.146.959.519.606
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	287.360.000.000	(60.038.260.807)	-	2.141.135.095.248 (1.452.278.765.509)	2.368.456.834.441 (1.452.278.765.509)
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	287.360.000.000	(60.038.260.807)	-	688.856.329.739	916.178.068.932

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

### 22.2 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	28.736.000	28.736.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	28.736.000	28.736.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	28.736.000	28.736.000
Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 10.000 VND/cổ phiếu). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết không hạn chế.		

### 22.3 Các giao dịch về vốn với cổ đông

	VND		VND
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
<b>Vốn cổ phần đã góp</b>			
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	287.360.000.000		358.442.620.000

## 23. DOANH THU

### 23.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND		VND
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (Trình bày lại – Thuyết minh số 34)
Dịch vụ trò chơi trực tuyến	1.944.141.848.132		1.484.451.369.468
Dịch vụ quảng cáo trực tuyến	248.629.927.754		307.768.426.044
Dịch vụ thông báo Zalo	111.351.010.455		51.522.474.886
Dịch vụ nhạc chờ và bản quyền bài hát	30.017.687.123		15.004.860.803
Dịch vụ cho thuê	21.504.545.454		21.504.545.454
Khác	13.215.155.719		21.332.956.673
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.368.860.174.637</b>		<b>1.901.584.633.328</b>
Trong đó:			
Doanh thu đối với bên khác	2.081.906.063.059		1.452.960.461.428
Doanh thu đối với bên liên quan	286.954.111.578		448.624.171.900

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐÔ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 23. DOANH THU (tiếp theo)

#### 23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	VND
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Lãi tiền gửi ngân hàng	9.315.051.996	6.011.746.021
Lãi chênh lệch tỷ giá	7.270.325.830	10.167.297.256
Cổ tức được chia	-	334.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>16.585.377.826</b>	<b>350.179.043.277</b>

### 24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	VND
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (Trình bày lại – Thuyết minh số 34)
Phí bản quyền phần mềm	664.775.750.883	747.824.313.305
Chi phí dịch vụ mua ngoài	436.267.673.370	420.260.329.144
Chi phí nhân viên	360.252.395.687	347.204.030.137
Chi phí khấu hao và hao mòn	35.843.758.973	39.254.316.323
Chi phí khác	8.551.890.931	6.094.871.697
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.505.691.469.844</b>	<b>1.560.637.860.606</b>

### 25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	VND
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Dự phòng suy giảm giá trị khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.529.879.549.086	269.400.464.666
Chi phí lãi vay	26.868.399.612	3.798.324.605
Lỗ chênh lệch tỷ giá	9.864.158.121	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.308.864.361	246.690.769
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.567.920.971.180</b>	<b>273.445.480.040</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	VND
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	303.728.678.339	467.422.143.958
Chi phí nhân viên	23.697.039.517	44.180.491.471
Chi phí khác	9.739.314.111	6.909.681.689
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>426.812.497.404</b>	<b>438.968.236.227</b>
Chi phí nhân viên	224.272.775.092	268.803.472.450
Chi phí dịch vụ mua ngoài	146.350.739.612	96.526.351.650
Chi phí khấu hao và hao mòn	29.805.429.036	33.871.203.237
Công cụ, dụng cụ	20.118.885.731	29.499.942.749
Chi phí khác	6.264.667.933	10.267.266.141
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>763.977.529.371</b>	<b>957.480.553.345</b>

## 27. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	VND
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
<b>Thu nhập khác</b>		
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	447.148.962	328.407.452
Thu nhập khác	470.485.542	1.365.322.651
<b>Chi phí khác</b>	<b>(1.051.982.081)</b>	<b>(24.732.237.703)</b>
Dự phòng suy giảm giá trị trò chơi trực tuyến	(970.075.882)	-
Lỗ do thanh lý công cụ, dụng cụ	(14.338.098)	-
Chi phí bồi thường	-	(19.876.794.300)
Chi phí xóa sổ tài sản	-	(4.264.209.057)
Chi phí khác	(67.568.101)	(591.234.346)
<b>LỖ THUẦN KHÁC</b>	<b>(134.347.577)</b>	<b>(23.038.507.600)</b>

## 28. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	VND
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (Trình bày lại – Thuyết minh số 34)</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	886.347.091.321	984.208.824.752
Phí bản quyền phần mềm	664.775.750.883	747.824.313.305
Chi phí nhân viên	608.222.210.296	660.187.994.058
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 10 và số 11)	65.649.188.009	73.125.519.560
Công cụ, dụng cụ	20.218.426.472	29.499.942.749
Chi phí khác	24.456.332.234	23.271.819.527
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.269.668.999.215</b>	<b>2.518.118.413.951</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") của Công ty là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 29.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	VND
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:		VND
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
<b>Tổng lỗ kế toán trước thuế</b>	<b>(1.452.278.765.509)</b>	<b>(562.838.724.986)</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	(290.455.753.102)	(112.567.744.997)
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Các chênh lệch tạm thời chưa ghi nhận thuế hoãn lại	23.803.112.427	139.107.137.902
Lỗ thuế chuyển sang các năm sau	244.114.210.036	28.898.884.352
Chi phí không được khấu trừ	22.538.430.639	11.361.722.743
Cổ tức được chia	-	(66.800.000.000)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

### 29.2 Thuế TNDN hiện hành

Lỗ tính thuế của Công ty khác với lỗ được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì lỗ tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐÔ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

### 29.3 Lỗ chuyển sang các năm sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 3.178.185.219.856 VND (Ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1.957.614.169.676 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2024	VND Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024
2021	2026	253.245.072.344	-	253.245.072.344
2022	2027	1.326.625.144.087	-	1.326.625.144.087
2023	2028	377.743.953.245	-	377.743.953.245
2024	2029	1.220.571.050.180	-	1.220.571.050.180
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>3.178.185.219.856</b>	<b>-</b>	<b>3.178.185.219.856</b>

(\*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

### 29.4 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản mục sau do chưa ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai:

#### Chênh lệch tạm thời

Lỗ thuế chuyển sang năm sau	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2024
Các chênh lệch tạm thời, trong đó:	
Doanh thu chưa thực hiện liên quan trò chơi trực tuyến	1.244.930.659.418
Dự phòng trợ cấp thôi việc	19.053.643.300
Chi phí phải trả	5.072.062.103
Chi phí dự phòng liên quan trò chơi trực tuyến	2.315.625.000
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	988.043.702
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	858.037.352
Chi phí kênh phân phối	(43.302.946.707)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.408.100.344.024</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐÔ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán không cần bảo đảm và không có lãi suất.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty. Việc đánh giá này được thực hiện mỗi kỳ kế toán thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
A4B	Công ty con
Adtima	Công ty con
DMF	Công ty con
EPI	Công ty con
Fiza	Công ty con
Greennode SG	Công ty con
Greennode TH	Công ty con
Greennode Vietnam	Công ty con
Instpay AU	Công ty con
Instpay HK	Công ty con
Instpay Holco	Công ty con
Instpay SG	Công ty con
Instpay UK	Công ty con
Instpay VN	Công ty con
KMZ	Công ty con
Mixus	Công ty con
MLT HK	Công ty con
MPT	Công ty con
Thanh Sơn	Công ty con
Verichains	Công ty con
Verichains SG	Công ty con
VinaData	Công ty con
Vinanet	Công ty con
VNG DC	Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐÔ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ
VNG Games	Công ty con
VNG Investment	Công ty con
VNG Myanmar	Công ty con
VNG Online	Công ty con
VNG Singapore	Công ty con
VNG Solutions	Công ty con
VNG Technologies LLC	Công ty con
VNGS	Công ty con
XFM	Công ty con
YoPlatform	Công ty con
Zie	Công ty con
Zion	Công ty con
ZPI	Công ty con
ZPS	Công ty con
Beijing Youtu	Công ty liên kết
Cloudverse	Công ty liên kết
Day One	Công ty liên kết
Ecotruck	Công ty liên kết
Funding Asia	Công ty liên kết
OCG	Công ty liên kết
Rocketeer	Công ty liên kết
Telio	Công ty liên kết
Tiki Global	Công ty liên kết
VTH	Công ty liên kết
Dorocat Games Co., Ltd ("Dorocat")	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Ti Ki ("Tiki")	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Tikinow Smart Logistics ("Tikinow")	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Telio Việt Nam ("Telio Vietnam")	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Got It ("Got It")	Công ty con của công ty liên kết
Tencent Technology (Shenzhen) Company Limited ("Tencent Shenzhen")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty
Tencent Technology (Shanghai) Co. Ltd ("Tencent Shanghai")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty
Tencent Mobile International Ltd. ("Tencent Mobile")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty
Proxima Beta Pte. Limited ("Proxima")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty
Riot Games Services Pte Ltd. ("Riot")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty
Aceville Pte. Ltd. ("Aceville")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty
VNG Limited	Bên liên quan là cổ đông sở hữu trên 10% cổ phần và có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Công nghệ BigV ("BigV")	Bên liên quan là cổ đông sở hữu trên 10% cổ phần và có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	Bên liên quan là cổ đông sở hữu trên 10% cổ phần và có cùng thành viên quản lý chủ chốt

THUỶẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐQ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIỀN QUAN (tiếp theo)

Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
VinaData	Công ty con	Thuê chỗ đặt máy chủ và thuê cước đường truyền Sử dụng dịch vụ Cung cấp dịch vụ Góp vốn	206.674.433.949 812.348.095 600.276.480 -	189.875.415.834 1.518.115.020 516.000.000.000	-
Thanh Sơn	Công ty con	Bán thẻ trò chơi trả trước Sử dụng dịch vụ	560.453.047.691 187.183.770	559.168.977.269 -	-
Zion	Công ty con	Góp vốn Sử dụng dịch vụ Doanh thu cho thuê Tạm ứng góp vốn vào công ty con	1.777.094.567.012 22.364.584.103 12.000.000.000 -	2.000.003.500 20.369.337.445 12.000.000.000 475.439.098.400	-
Adtima	Công ty con	Doanh thu phân chia	208.277.857.667	273.903.559.749	-
EPI	Công ty con	Mua dịch vụ quảng cáo Cỗ tucus được chia Sử dụng dịch vụ	28.229.373.595 -	258.000.000.000 43.404.333.645	-

# Công ty Cổ phần VNNG

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIỀN ĐQ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIỀN QUAN (tiếp theo)

Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước như sau (tiếp theo):

Bên liên quan		Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
VTH	Công ty liên kết	Góp vốn	20.000.000	179.800.000.000
ZPS	Công ty con	Doanh thu phân chia	118.960.481.698	139.785.566.184
Riot	Bên liên quan của các công ty có ânh hưởng đáng kể đến Công ty	Doanh thu phân chia Cung cấp dịch vụ quảng cáo Phi bản quyền phần mềm	325.291.668.908 12.334.247.277 -	8.187.414.287 185.343.885.019
Proxima	Bên liên quan của các công ty có ânh hưởng đáng kể đến Công ty	Phi bản quyền phần mềm Cung cấp dịch vụ quảng cáo	202.286.187.047 4.127.506.509	117.072.166.802 7.909.642.577
MPT	Công ty con	Doanh thu phân chia Doanh thu về hợp tác khai thác liên quan chương trình Coin - Khách hàng thân thiết	89.213.284.211 1.286.053.546 -	115.938.309.661
Funding Asia	Công ty liên kết	Hoàn trả đặt cọc	-	113.901.634.238
VNGS	Công ty con	Phi bản quyền trò chơi trực tuyến Phi bản quyền phần mềm Doanh thu cho thuê Cỗ tức được chia	51.637.795.501 42.852.751.966 9.414.545.454 -	59.594.382.939 105.134.878.292 9.414.545.454 66.000.000.000

# Công ty Cổ phần VNG

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIỀN ĐQ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIỀN QUAN (tiếp theo)

Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
VNG Online	Công ty con	Tạm ứng góp vốn vào công ty con Mua dịch vụ quảng cáo Cổ tức được chia	11.000.000.000 1.322.836.785 -	35.587.156.952 10.000.000.000
Fiza	Công ty con	Doanh thu phân chia	13.636.752.579	22.833.884.410
Tencent Shenzhen	Bên liên quan của các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty	Phí bản quyền phần mềm	30.379.007.833	15.499.899.028
Aceville	Bên liên quan của các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty	Thuê chỗ đặt máy chủ và thuê cơ sở dữ liệu truyền Sử dụng dịch vụ	9.074.978.058 -	11.531.376.751
Mixus	Công ty con	Phí bản quyền phần mềm Doanh thu nhạc chờ và bản quyền bài hát	5.345.071.849 2.335.574.522 -	6.762.141.968
Zie	Công ty con	Doanh thu phân chia	9.064.276.362	6.093.361.352
Tencent Shanghai	Bên liên quan của các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty	Phí bản quyền phần mềm	15.697.775.226	77.280
XFM	Công ty con	Mua dịch vụ quảng cáo	1.114.187.145	-
VNG Solutions	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	1.978.064.730	-

THUÝẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 30. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIỀN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niêm độ với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghịệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	VND
<b>Phải thu ngắn hạn của Khách hàng (Thuỷết minh số 6.1)</b>					
<b>Zion</b>					
	Công ty con	Thu hộ	132.346.847.667	98.292.304.000	
		Chi phí thuê	2.227.000.000	2.227.000.000	
Adtima	Công ty con	Doanh thu quảng cáo phân chia	63.723.223.785	22.675.402.397	
Riot	Bên liên quan của các công ty có ânh hưởng đáng kể đến Công ty	Cung cấp dịch vụ	30.314.356.732	24.356.779.901	
Fiza	Công ty con	Doanh thu phân chia	17.215.833.400	14.049.807.805	
VNG Solutions	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	2.601.734.814	430.948.987	
Thanh Sơn	Công ty con	Bán thẻ trò chơi trả trước	2.206.575.000	28.293.300.000	
Mixus	Công ty con	Doanh thu quảng cáo phân chia	1.712.853.853	913.271.722	
VNG DC	Công ty con	Bán tài sản cố định	1.629.343.045	-	
Vinanet	Công ty con	Phí thuê	1.389.029.983	-	
Proxima	Bên liên quan của các công ty có ânh hưởng đáng kể đến Công ty	Cung cấp dịch vụ	1.012.000.000	16.500.000	
DayOne	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	1.683.364.719	5.753.530.601	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>258.062.162.998</b>	<b>11.599.600</b>	<b>VND</b>
					<b>197.020.445.013</b>

# Công ty Cổ phần VNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 30. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niêm đợt với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghịệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)</i>				
Thanh Sơn				
Zion	Công ty con	Sử dụng dịch vụ	373.853.800	345.956.200
<b>TỔNG CỘNG</b>		Sử dụng dịch vụ	<b>373.853.800</b>	<b>345.956.200</b>
<i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)</i>				
Zion	Công ty con	Tạm ứng vốn góp	285.000.000.000	492.639.098.400
VNG Online	Chi hộ	Tạm ứng vốn góp	1.788.523.493	1.755.973.360
EPI	Chi hộ	Chi hộ	11.000.000.000	-
VNG Singapore	Chi hộ	Chi hộ	1.904.295.860	-
Aditima	Chi hộ	Chi hộ	821.414.247	882.763.044
VTH	Chi hộ	Chi hộ	109.738.689	166.964.398
Các công ty khác	Chi hộ	-	-	3.500.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		Chi hộ	<b>755.927.081</b>	<b>727.478.815</b>
<i>Chi phí trả trước ngắn hạn (Thuyết minh số 9)</i>	Công ty con	<b>301.379.899.370</b>	<b>499.672.278.017</b>	
Mixus	Phi bản quyền phần mềm		<u>4.654.928.151</u>	<u>-</u>

THUÝẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 30. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niêm độ với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghịệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14)</i>					
VinaData	Công ty con	Chi phí cước đường truyền	272.512.991.377	80.484.228.116	
MPT	Công ty con	Thu hộ	63.566.853.398	43.202.394.030	
Riot	Bên liên quan của các công ty có ánh hưởng đáng kể đến Công ty	Phí bản quyền phần mềm	60.471.356.667	-	
ZPS	Công ty con	Thu hộ	56.004.597.387	39.385.181.333	
Proxima	Phí bản quyền phần mềm	34.210.361.270	110.514.977.073		
VNG Singapore	Công ty con	Thu hộ	21.519.005.540	20.934.667.259	
VNGS	Công ty con	Phí bản quyền phần mềm	18.348.766.060	65.040.874.406	
Zie	Công ty con	Thu hộ	11.730.809.014	3.893.485.785	
Zion	Công ty con	Sử dụng dịch vụ	8.430.029.366	8.303.174.802	
Mixus	Công ty con	Phí bản quyền phần mềm	2.976.845.683	-	
VNGO	Công ty con	Sử dụng dịch vụ quảng cáo	210.077.091	600.000.000	
Tencent Shenzhen	Bên liên quan của các công ty có ánh hưởng đáng kể đến Công ty	Phí bản quyền phần mềm	-	23.974.869.718	
EP	Công ty con	Sử dụng dịch vụ quảng cáo	-	8.541.252.809	
Aceville	Bên liên quan của các công ty có ánh hưởng đáng kể đến Công ty	Sử dụng dịch vụ	-	5.149.920.311	
XFM	Công ty con	Sử dụng dịch vụ	-	2.273.429.112	
Các công ty khác	Công ty con	Sử dụng dịch vụ	712.284.959	629.194.860	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>550.693.977.812</b>	<b>412.927.649.614</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIỀU NỘI ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 30. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niêm đợt với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghịệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 17)</b>				
Riot	Bên liên quan của các công ty có ânh hưởng đáng kể đến Công ty	Phí bản quyền phần mềm	217.505.659.551	240.495.754.676
Proxima	Bên liên quan của các công ty có ânh hưởng đáng kể đến Công ty	Phí bản quyền phần mềm	113.326.000.247	127.782.798.405
VinaData	Công ty con	Chi phí cước đường truyền Phí bản quyền phần mềm	35.777.608.149 21.404.274.305	3.148.496.588
Tencent Shanghai	Bên liên quan của các công ty có ânh hưởng đáng kể đến Công ty	Phí bản quyền phần mềm	15.697.775.226	44.445.715.430
Tencent Shenzhen	Bên liên quan của các công ty có ânh hưởng đáng kể đến Công ty	Sử dụng dịch vụ	4.513.330.768	1.696.771.332
Aceville	Bên liên quan của các công ty có ânh hưởng đáng kể đến Công ty	Sử dụng dịch vụ	-	-
Zion	Công ty con	Doanh thu phân chia	4.223.737.272	-
Zie	Công ty con	Doanh thu phân chia	1.257.393.741	-
XFM	Công ty con	Doanh thu phân chia	239.731.030	406.979.401
Thanh Sơn	Công ty con	Sử dụng dịch vụ	1.770.758	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>413.947.281.047</b>	<b>417.976.515.832</b>	
<b>Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn (Thuyết minh số 18)</b>				
Thanh Sơn	Công ty con	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	135.758.842	-
<b>Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 19)</b>				
Thanh Sơn	Công ty con	Ký quỹ	252.720.000	252.720.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 30. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

#### *Các giao dịch với các bên liên quan khác*

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát bao gồm lương và các chi phí liên quan như sau:

	VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Thành viên Ban Tổng Giám đốc	9.524.558.666	8.169.160.000	
Thành viên Hội đồng Quản trị	2.590.406.000	2.597.036.000	
Thành viên Ban Kiểm soát	90.000.000	90.000.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.204.964.666</b>	<b>10.856.196.000</b>	

### 31. CÁC CAM KẾT VÀ NGHĨA VỤ TIỀM TÀNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai được trình bày như sau:

	VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Dưới 1 năm	8.448.054.887	21.150.333.828	
Từ 1 đến 5 năm	436.596.000	4.178.898.270	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.884.650.887</b>	<b>25.329.232.098</b>	

#### *Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn*

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có các cam kết liên quan đến việc mua phí bản quyền trò chơi được thể hiện như sau:

	VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phí bản quyền tối thiểu	77.246.872.500	12.556.887.000	
Phí bản quyền trò chơi	60.307.327.500	34.522.287.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>137.554.200.000</b>	<b>47.079.174.000</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐÔ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 31. CÁC CAM KẾT VÀ NGHĨA VỤ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

#### *Nghĩa vụ pháp lý*

Công ty đang có liên quan đến một nghĩa vụ pháp lý tiềm tàng phát sinh từ một vụ kiện vi phạm bản quyền tại Hoa Kỳ từ năm 2014. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã bị tòa án liên quan bác bỏ lần đầu vào tháng 10 năm 2014, và lần tiếp theo vào tháng 11 năm 2019 vì tòa án Hoa Kỳ xác định không có thẩm quyền xét xử. Sau đó, đơn kháng cáo đã được nộp lại bởi nguyên đơn vào ngày 22 tháng 12 năm 2019. Vào ngày 21 tháng 7 năm 2022, một hội đồng gồm ba thẩm phán của Tòa Phúc thẩm Liên bang Hoa Kỳ Khu vực 9 đã đưa ra ý kiến chung bác bỏ phán quyết của tòa án cấp dưới, theo đó xác định tòa án Hoa Kỳ có quyền tài phán đối với vụ kiện và các thủ tục xét xử về nội dung khiếu kiện cần được tiến hành. Vào ngày 2 tháng 9 năm 2022, Công ty đã đệ đơn lên Tòa Phúc thẩm Liên bang Hoa Kỳ Khu vực 9 để yêu cầu việc thực thi quyền tài phán, nhưng đã bị từ chối vào ngày 23 tháng 11 năm 2022. Đơn yêu cầu của Công ty đã bị Tòa án Tối cao từ chối vào ngày 30 tháng 5 năm 2023.

Vào ngày 12 tháng 12 năm 2023, Nguyên đơn đã nộp bản sửa đổi lần thứ ba của Đơn khởi kiện, theo đó bổ sung thêm số lượng bản quyền vi phạm và bổ sung một số lập luận. Vào ngày 31 tháng 1 năm 2024, Công ty nộp văn bản trả lời cho Đơn khởi kiện sửa đổi lần thứ ba của Nguyên đơn, theo đó Công ty trình bày kiến đối với một số nội dung trong Đơn khởi kiện sửa đổi và sau đó vào ngày 18 tháng 6 năm 2024, Công ty nộp văn bản Đề nghị tòa án từ chối Đơn khởi kiện nói trên, nhưng đã bị Nguyên đơn nộp văn bản phản đối đề nghị này vào ngày 8 tháng 7 năm 2024. Vào ngày 18 tháng 7 năm 2024, Công ty nộp bản ý kiến để bảo vệ quan điểm về Đề nghị tòa án từ chối Đơn kiện sửa đổi lần thứ ba của Nguyên đơn.

Phiên điều trần tiếp theo được lên lịch vào ngày 2 tháng 8 năm 2024, tuy nhiên tại ngày 29 tháng 7 năm 2024, Tòa án đã hoãn phiên điều trần và nhận thấy rằng vấn đề này phù hợp để đưa ra quyết định mà không cần tranh luận và đưa vấn đề vào diện đệ trình.

Ở thời điểm hiện tại, Công ty đánh giá rằng sẽ không có khả năng Công ty phải sử dụng một số tiền lớn hoặc các tài sản khác có thể phát sinh từ kết quả không tích cực của các thủ tục tố tụng trong tương lai.Thêm vào đó, Công ty không kỳ vọng rằng giải pháp cuối cùng của bất kỳ thủ tục tố tụng nào sẽ gây ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, tình hình tài chính riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ.

#### *Các cam kết và nghĩa vụ khác*

- (i) Theo các điều khoản trong thỏa thuận đăng ký góp vốn giữa Công ty và các đối tác liên quan nhằm cam kết đầu tư với số tiền là 24 triệu đô la Mỹ được thừa nhận là phụ thuộc vào đợt phát hành lần đầu ra công chúng ("IPO") của VNG Limited. Theo đó, nghĩa vụ góp số tiền cam kết sẽ được chuyển giao và thực hiện bởi VNG Limited khi đợt IPO thành công. Nếu đợt IPO không diễn ra vào một ngày cụ thể, Công ty sẽ không được coi là đã vi phạm nghĩa vụ góp số tiền đã cam kết theo yêu cầu. Tổng số tiền cam kết dự kiến sẽ được gọi trong vòng năm (5) năm kể từ ngày ký thỏa thuận đăng ký góp vốn. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty không có ý định tiếp tục thỏa thuận này nếu như đợt IPO không được diễn ra trước hoặc vào ngày chốt các đối tác thích hợp đã được gia hạn tới ngày 31 tháng 12 năm 2024. Theo đó, trong trường hợp này, Công ty có thể chấp dứt hợp đồng đăng ký mà không phải chịu bất cứ khoản phạt nào.
- (ii) Theo thỏa thuận cổ đông đã được sửa đổi vào ngày 9 tháng 5 năm 2024 giữa Công ty, VNG Limited và một số đối tác có liên quan, Công ty cam kết, trong trường hợp VNG Limited, với tư cách là bên có nghĩa vụ, không thể thực hiện nghĩa vụ bồi thường đối với bất kỳ khoản tổn thất nào cho các đối tác này trong khoảng thời gian cụ thể, Công ty sẽ chịu trách nhiệm thực hiện việc bồi thường đối với bất kỳ khoản thiếu hụt đó. Các khoản này phát sinh từ những tổn thất mà bên đối tác phải chịu và đã được cam kết bồi thường, đảm bảo từ VNG Limited.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐÔ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 32. NGHIỆP VỤ CHI TRẢ BẰNG CỔ PHIẾU

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã quyết định không hạch toán nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu trên báo tài chính riêng giữa niên độ cho đến khi quyền mua được thực hiện mà chỉ trình bày các thông tin liên quan đến các nghiệp vụ này trong thuyết minh bên dưới do chưa có hướng dẫn cụ thể về cách hạch toán các nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Chi tiết các nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu như sau:

#### **Chương trình cổ phiếu cho nhân viên lần ("ESOP")**

Công ty có ESOP, cho phép nhân viên có quyền mua cổ phiếu với giá 20.000 VND/cổ phiếu (ESOP II) hoặc 30.000 VND/cổ phiếu (ESOP III). Theo đó, tổng số quyền mua cổ phiếu được tổng hợp từ chương trình ESOP II và ESOP III là 3.306.526 và được cấp từ năm 2020 đến hết năm 2027.

##### 1. Kế hoạch thực hiện

Quyền mua đến hạn thực hiện hàng năm trong vòng 3 hoặc 4 năm, tính từ ngày cấp đầu tiên.

##### 2. Các điều khoản

- (i) Với mỗi 12 tháng kể từ ngày cấp quyền, nhân viên được phép thực hiện 33,33% (hoặc 25% trong trường hợp đặc biệt) tổng số quyền mua cổ phần được cấp (làm tròn xuống đến hàng đơn vị). Nhân viên bắt đầu được thực hiện quyền mua cổ phần sau khi kết thúc 12 tháng kể từ ngày được cấp quyền mua..
- (ii) Quyền mua cổ phần được thực hiện mỗi năm hai đợt từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 1 và từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 7 hàng năm. Quyền mua cổ phần đã phát sinh trong một năm chỉ được thực hiện trong đợt thực hiện quyền tương ứng của năm đó. Quá thời hạn trên, toàn bộ quyền mua cổ phần chưa được thực hiện sẽ bị hủy bỏ.

##### 3. Điều kiện

- (i) Quyền chọn mua sẽ bị hủy bỏ nếu điều kiện đã cam kết không đạt được.
- (ii) Chính sách này sẽ được thay đổi tùy từng thời điểm phụ thuộc vào quyết định của Công ty.

Biến động của số lượng quyền mua đã cấp và giá thực hiện trong kỳ được trình bày như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	
	Giá (VND)	Số lượng quyền mua	Giá (VND)	Số lượng quyền mua
Số dư tại ngày 1 tháng 1	30.000	889.704	30.000	753.876
Cấp trong kỳ	30.000	464.119	30.000	585.828
Mất quyền mua trong kỳ	30.000	(26.093)	30.000	(17.049)
Thực hiện quyền mua trong kỳ	30.000	(299.668)	30.000	(290.908)
Số dư tại ngày 30 tháng 6		<u>1.028.062</u>		<u>1.031.747</u>

### 33. CHỈ TIÊU NGOÀI BẰNG CÂN ĐỐI KÉ TOÁN

Chỉ tiêu	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
----------	-----------------------------	------------------------------

Ngoại tệ:

- USD	2.145.838	490.158
- INR	330	330

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO ĐÃ ĐƯỢC PHÁT HÀNH TRƯỚC ĐÂY  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

#### 34. ĐIỀU CHỈNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO ĐÃ ĐƯỢC PHÁT HÀNH TRƯỚC ĐÂY

Bắt đầu từ cuối năm 2023, Công ty đã chuyển sang chính sách kế toán ghi nhận doanh thu từ cung cấp trò chơi trực tuyến khi nghĩa vụ thực hiện với người chơi được hoàn thành. Công ty thực hiện thay đổi nói trên phù hợp với sự phát triển trong hệ thống thông tin hiện đã cho phép Công ty có thể theo dõi dữ liệu liên quan tới người chơi của các trò chơi trực tuyến. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã quyết định điều chỉnh một số dữ liệu tương ứng trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 để phản ánh thay đổi trong chính sách kế toán như sau:

Mã số	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ</i>	VND	
		Đã được trình bày trước đây	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
01	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ</i>		
1.	Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.576.166.246.705	(674.581.613.377)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.576.166.246.705	(674.581.613.377)
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(1.516.090.399.986)	(44.547.460.620)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.060.075.846.719	(719.129.073.997)
30	Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	179.328.856.611	(719.129.073.997)
50	Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	156.290.349.011	(719.129.073.997)
60	(Lợi nhuận) lỗ sau thuế TNDN	156.290.349.011	(719.129.073.997)
60			
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ</i>		
01	1. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	156.290.349.011	(719.129.073.997)
08	2. Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	170.809.404.743	(719.129.073.997)
11	3. Tăng các khoản phải trả	343.457.511.298	745.151.299.263
12	4. Giảm chi phí trả trước	40.937.345.180	(26.022.225.266)

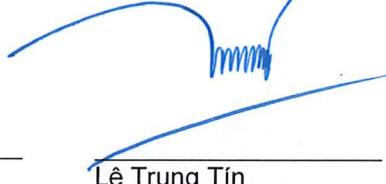
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾ THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Hoàng Thị Huệ  
Người lập



Lê Trung Tín  
Kế toán trưởng



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

